TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-PT
Ngày 17-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Giang Mỹ K, sinh năm 1958; địa chỉ: Số A, đường T, khu phố I, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B, hẻm C, đường H, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Anh K, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên hệ: Số K, đường H khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2021), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lý Vệ B, sinh năm 1998; địa chỉ: đường T, khu phố I, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Giang Mỹ K trình bày:*

Ngày 20/7/2019, ông T có hỏi mượn của bà K số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) và cam kết đến ngày 01/11/2019 ông T sẽ thanh toán lại cho bà K, giữa bà K và ông T không có thỏa thuận lãi suất. Ngày 21/7/2020, bà K khởi kiện và yêu cầu ông T phải thanh toán tổng số tiền 343.440.000 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) gồm: 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) tiền vay và 25.440.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền lãi tính lãi suất 1,0%/tháng tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/7/2020 là 08 tháng). Bà K không đồng ý với ý kiến của ông T về việc ông T xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) vào ngày 15 tây hay 20 tây hàng tháng. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 27/01/2021, bà K xin rút lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) do ông T đã trả cho bà K trong số tiền vay 318.000.000 đồng (ba trăm mươi tám triệu đồng). Do đó, bà K yêu cầu ông T phải thanh toán cho bà K số tiền vay 218.000.000 đồng (hai trăm mười tám triệu đồng) và tính lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 218.000.000 đồng (hai trăm mười tám triệu đồng) theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày 02/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/5/2021 là 07 tháng 17 ngày. Theo mức lãi suất giới hạn là 10%/năm tương đương với lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 218.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng x (17ngày/30ngày) là 13.691.127 đồng (mười ba triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn một trăm hai mươi bảy đồng). Tại phiên tòa, bà K rút một phần tiền lãi 11.748.873 đồng (mười một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng) trong tổng số tiền lãi mà bà K yêu cầu khi khởi kiện ngày 21/7/2020 là 25.440.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) còn lại tiền lãi 13.691.127 đồng (mười ba triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn một trăm hai mươi bảy đồng) bà K yêu cầu tính. Tổng số tiền bà K yêu cầu ông T phải thanh toán cho bà K là 231.691.127 đồng (hai trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn một trăm hai mươi bảy đồng); gồm: Tiền vay 218.000.000 đồng (hai trăm mười tám triệu đồng); tiền lãi 13.691.127 đồng (mười ba triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn một trăm hai mươi bảy đồng). Ngoài ra, bà K không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Đặng Văn T và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông T trình bày:*

Ông T thừa nhận vào ngày 20/7/2019, ông T có ký giấy cam kết trả nợ cho nguyên đơn với số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mươi tám triệu đồng) và hứa đến ngày 01/11/2019 ông T sẽ trả hết số tiền nợ cho nguyên đơn. Trong giấy cam kết giữa ông T và nguyên đơn không có thỏa thuận lãi nhưng ông T và nguyên đơn thỏa thuận lãi bằng miệng là 02%/tháng. Thực tế số tiền gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) còn 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) là tiền lãi nên ông T viết Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019 thành tổng số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) cho nguyên đơn.

Ông T thừa nhận chữ ký trong Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019 đã ký cam kết với nguyên đơn là của ông T. Do đó, ông T không yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, họ và tên của ông T trên Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019. Đối với số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) thì ông T

đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn được số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) hiện nay theo Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019 thì ông T chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 218.000.000 đồng (hai trăm mười tám triệu đồng). Tuy nhiên, hiện nay ông T đang gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên ông T sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 218.000.000 đồng (hai trăm mười tám triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật với phương thức mỗi tháng ông T trả 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) vào ngày 15 tây hay 20 tây hàng tháng cho nguyên đơn cho đến khi hết số tiền ông T nợ của nguyên đơn. Tuy nhiên. số tiền này là số tiền do con của nguyên đơn (là ông Lý Vệ B) hùn vốn kinh doanh với ông T nhưng do ông T kinh doanh thất bại nên ông B xin rút lại vốn. Lúc đó, ông T không có tiền nên mới ký Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019 cho nguyên đơn là mẹ ruột của ông Lý Vệ B nhằm mục đích sẽ hoàn lại số tiền 318.000.000 đồng mà ông B đã hùn vốn kinh doanh với ông T. Thực thế ông T không mượn tiền của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2021, người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông K) và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông K) trình bày: Năm 2018, ông B (ông B là con ruột nguyên đơn) có hùn vốn với bị đơn để sản xuất kinh doanh nhựa với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) trong quá trình kinh doanh thì ông B có đưa cho bị đơn ký nhiều giấy tờ để làm tin. Thực tế, bị đơn chỉ nhận của ông B số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và cũng đã trả lại cho ông B số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Hiện nay, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng khi bị đơn và ông B giao nhận tiền hùn vốn kinh doanh thì phía bị đơn có ghi âm nhưng hiện nay dữ liệu ghi âm bị lỗi nên không cung cấp cho Tòa án được. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông K không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lý Vệ B) trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Ông B và ông T không có mối quan hệ quen biết cũng như ông B không có hùn vốn kinh doanh với ông T nên ông B không có quyền và nghĩa vụ gì. Do đó, ông B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ngoài ra, ông B không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)" của nguyên đơn bà Giang Mỹ K đối với bị đơn ông Đặng Văn T.

Buộc ông Đặng Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Giang Mỹ K số tiền 231.691.127 đồng (hai trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn một trăm hai mươi bảy đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Mỹ K đối với bị đơn ông Đặng Văn T về số tiền 111.748.873 đồng (một trăm mười một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2021 bị đơn ông Đặng Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Giang Mỹ K, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đặng Văn T là ông Ngô Anh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Vệ B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay 318.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019. Tại biên bản hòa giải ngày 27/01/2021, bị đơn xác nhận có vay của bà K số tiền 318.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả số tiền vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn thay đổi lời trình bày cho rằng năm 2018, bị đơn có hùn vốn sản xuất kinh doanh nhựa với ông B (con bà K) 150.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc chung, ông B có đưa nhiều văn bản giấy tờ cho bị đơn ký để làm tin. Do kinh doanh thua lỗ nên bà K buộc bị đơn ký Giấy cam kết ngày 20/7/2019, thực tế bị đơn chỉ nhận của bà K số tiền 150.000.000 đồng. Việc thỏa thuận hùn vốn ông T có ghi âm nhưng đoạn ghi âm bị lỗi nên bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Giang Mỹ K, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đặng Văn T là ông Ngô Anh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Vệ B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông T về việc yêu cầu thanh toán số tiền 111.748.873 đồng, gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 11.748.873 đồng tiền lãi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà K khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T trả lại cho bà K số tiền đã vay là 218.000.000 đồng, chứng cứ nguyên đơn xuất trình là Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019.

[4] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất chứng cứ Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019 do nguyên đơn xuất trình là do bị đơn viết và ký tên nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Theo Giấy cam kết trả nợ ngày 20/7/2019 thể hiện ông Đặng Văn T có nợ bà Giang Mỹ K số tiền 318.000.000 đồng, ông T cam kết đến ngày 01/11/2019 sẽ thanh toán số tiền nợ trên. Bị đơn ông T và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông T cho rằng số tiền 318.000.000 đồng không phải số tiền bị đơn vay của bà K mà là số tiền bị đơn hùn vốn kinh doanh với con của nguyên đơn là ông Lý Vệ B, bị đơn rằng sau khi viết cam kết bị đơn đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng và còn nợ lại 218.000.000 đồng và đề nghị được thanh toán dần mỗi tháng 6.000.000 đồng. Trong khi người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng bị đơn nhận từ ông Lý Vệ B 150.000.00 đồng, đã thanh toán 100.000.000 đồng nên chỉ đồng ý thanh toán số tiền 50.000.000 đồng cùng lãi suất. Tuy nhiên, lời trình bày của bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn không được nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B thừa nhận. Đồng thời, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc hùn vốn kinh doanh và số tiền theo giấy cam kết mà bị đơn đã viết là tiền hùn vốn làm ăn giữa bị đơn và ông B. Do vậy, theo Giấy cam kết ngày 20/7/2019 thì có căn cứ xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 318.000.000 đồng, đến hạn thanh toán ngày 01/11/2019 bị đơn chỉ thanh toán 100.000.000 đồng, số tiền còn lại 218.000.000 đồng chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 218.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với tiền lãi chậm thanh toán, theo cam kết đến ngày 01/11/2019 bị đơn phải thanh toán số tiền nợ 218.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 02/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/5/2021 với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 13.691.127 đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án thu số 0057859 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (do ông Ngô Anh K nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết